

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 02 - 2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

(T - H)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đức T - Sinh năm 1986.

Quê quán: phường N H, quận B Đ, thành phố HN.

Địa chỉ hiện nay: Wormlitzerplatz 5, 06110 Halle (Saale), Cộng hòa Liên bang Đ.

- Bị đơn: Chị Lại Thu H - Sinh năm 1992.

ĐKKH: thôn ML 3, xã VH, huyện VT, tỉnh TB

Địa chỉ hiện nay: Carl, Schorlemmer, Ring 26, 06122 Halle (Saale), Cộng hòa Liên bang Đ.

(Anh T, chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn - anh Lê Đức T trình bày: Anh và chị Lại Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh TB ngày

02/01/2014 trong điều kiện hoàn cảnh anh lao động làm ăn ở nước ngoài về Việt Nam kết hôn với chị H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TB giải quyết cho anh được ly hôn chị Lại Thu H.

Anh và chị Lại Thu H không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - chị Lại Thu H trình bày:* Chị và anh Lê Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh TB ngày 02/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Từ đầu năm 2018 vợ chồng sống ly thân, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Lê Đức T xin ly hôn, chị đồng ý.

Chị và anh Lê Đức T không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh Lê Đức T, chị Lại Thu H đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ nên không thể về Việt Nam tham gia việc giải quyết ly hôn tại Tòa án, anh T, chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Anh Lê Đức T, chị Lại Thu H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức T và chị Lại Thu H kết hôn hợp pháp, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh TB ngày 02/01/2014 trong điều kiện hoàn cảnh anh T lao động làm ăn ở nước ngoài về Việt Nam kết hôn với chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, anh T, chị H sống ly thân mỗi người một nơi, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng

không còn, anh T xin ly hôn, chị H đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Đức T được ly hôn chị Lại Thu H là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung và tài sản chung: Anh Lê Đức T và chị Lại Thu H không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đức T được ly hôn chị Lại Thu H.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Anh Lê Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008912 ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Lê Đức T, chị Lại Thu H. Anh T, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo